

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2019/DS-PT

Ngày 12 - 04 - 2019

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chung

Các Thẩm phán: Bà Lưu Thị Thu Hương.

Ông Hoàng Kim Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ái Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Vượng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 20/2019/TLPT-DS ngày 22/01/2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 93/2018/DS-ST ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 77/2019/QĐ-PT ngày 14 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Hữu N, bà Nguyễn Thị M; Địa chỉ: Đường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N1; Địa chỉ: Đường Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Đức K, sinh năm 1954; Địa chỉ: Đường N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Trần N2, sinh năm 1945; Địa chỉ: Đường N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa,

người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - Ông Nguyễn Văn N1 trình bày:

Ông Phạm Đức K là bạn bè quen biết với ông Nguyễn Hữu N và bà Nguyễn Thị M.

Vào năm 1999, ông Nguyễn Hữu N và bà Phạm Thị M có cho ông K vay số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) với lãi suất ngân hàng, không thỏa thuận thời hạn vay. Các bên đã thanh toán dứt điểm toàn bộ công nợ từ năm 1999 đến trước ngày 01/01/2018. Toàn bộ hợp đồng cũ trước ngày 01/01/2018 giữa vợ chồng ông N, bà M và ông K không còn giá trị và lập hợp đồng vay tiền mới với các điều khoản không rõ ràng. Vào ngày 01/01/2018, ông K lập hợp đồng vay của ông N, bà M với số tiền là 1.310.000.000 đồng (Một tỉ ba trăm mười triệu đồng) lãi suất 1%/tháng, thời hạn vay 06 tháng. Thỏa thuận đến ngày 30/6/2018 ông K phải hoàn trả cho vợ chồng ông N, bà M cả tiền gốc và lãi suất. Tuy nhiên cho đến nay, ông K không thanh toán tiền gốc + lãi cho vợ chồng ông N, bà M theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng.

Vì vậy, phía nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phạm Đức K phải trả cho vợ chồng ông Nguyễn Hữu N, bà Phạm Thị M số tiền nợ gốc là 1.310.000.000 đồng + tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn - Ông Trần N2 trình bày:

Trong năm 2008, Công ty TNHH Đ do ông K làm giám đốc có vay của vợ chồng ông Nguyễn Hữu N, bà Phạm Thị M số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 2,5%/tháng nhưng không thỏa thuận thời hạn vay. Trong các năm từ 2010-2017, Công ty ông K đã trả cho bà M số tiền 137.000.000 đồng. Do thời gian quá lâu nên ông K chưa thống kê được số tiền đã trả cho bà M trong 03 năm 2008, 2009 và năm 2012.

Ông K thừa nhận có ký hợp đồng chuyển nợ ngày 01/01/2018 với ông Nguyễn Hữu N và bà Nguyễn Thị M số tiền là 1.310.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông K không nhận được số tiền nào theo hợp đồng này mà thực chất hợp đồng này là giấy nhận số nợ gốc 100.000.000 đồng mà công ty Đ vay của bà M từ năm 2008 và tiền lãi suất cộng dồn từ năm 2008 đến năm 2018.

Nay ông N, bà M khởi kiện ông K yêu cầu trả số tiền 1.310.000.000 đồng và tiền lãi suất thì ông K không đồng ý, vì ông K không vay tiền của bà M mà công ty Đ vay tiền của bà M. Công ty Đ chỉ đồng ý trả cho bà M số tiền vay gốc 100.000.000 đồng và lãi suất tính theo quy định của pháp luật trừ đi số tiền

137.000.000 đồng công ty Đ đã trả cho ông N, bà M. Ông Phạm Đức K không đồng ý theo nội dung hợp đồng đã lập ngày 01/01/2018, toàn bộ số tiền 1.310.000.000 đồng và tiền lãi cộng dồn từ năm 2008 đến nay, còn bản thân công ty Đ 10 năm qua không vay thêm số tiền nào.

Tại bản án số: 93/2018/DS-ST ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39, Điều 144 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463, 466, và 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu N và bà Nguyễn Thị M. Buộc ông Phạm Đức K có nghĩa vụ phải trả cho ông Nguyễn Hữu N, bà Nguyễn Thị M số tiền 1.453.663.000 đồng (Một tỉ, bốn trăm năm mươi ba triệu, sáu trăm năm mươi ba ngàn đồng). Trong đó, tiền gốc: 1.310.000.000 đồng + tiền lãi: 143.663.000 đồng.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự để tính lãi suất đối với số tiền chậm thi hành án kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/11/2018, bị đơn ông Phạm Đức K kháng cáo toàn bộ bản án, ông đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét lại nội dung vụ án.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, bị đơn ông Phạm Đức K vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời tranh tụng của các đương sự tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn ông Phạm Đức K, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm

số 93/2018/DS-ST ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung vụ án: Trong đơn khởi kiện, nguyên đơn trình bày vào năm 1999, ông Nguyễn Hữu N và bà Phạm Thị M có cho ông K vay số tiền 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*) với lãi suất ngân hàng, không thỏa thuận thời hạn vay. Các bên đã thanh toán dứt điểm toàn bộ công nợ từ năm 1999 đến trước ngày 01/01/2018. Toàn bộ hợp đồng cũ trước ngày 01/01/2018 giữa vợ chồng ông N, bà M và ông K không còn giá trị và lập hợp đồng vay tiền mới. Vào ngày 01/01/2018, ông K lập hợp đồng vay của ông N, bà M với số tiền là 1.310.000.000 đồng (*Một tỉ ba trăm mười triệu đồng*) lãi suất 1%/tháng, thời hạn vay 06 tháng. Thỏa thuận đến ngày 30/6/2018 ông K phải hoàn trả cho vợ chồng ông N, bà M cả tiền gốc và lãi suất. Tuy nhiên, cho đến nay, ông K không thanh toán tiền gốc và lãi cho vợ chồng ông N, bà M theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng. Vì vậy, phía nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phạm Đức K phải trả cho vợ chồng ông Nguyễn Hữu N, bà Phạm Thị M số tiền nợ gốc là 1.310.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Bị đơn thừa nhận ngày 01/01/2018 ông K có ký hợp đồng chuyển nợ với ông Nguyễn Hữu N và bà Nguyễn Thị M số tiền là 1.310.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông không nhận được số tiền nào theo hợp đồng này, mà thực chất hợp đồng vay tiền ngày 01/01/2018 này là giấy nhận số nợ gốc 100.000.000 đồng, lãi suất 2,5%/tháng nhưng không thỏa thuận thời hạn vay mà công ty Đ vay của bà M từ năm 2008 và tiền lãi suất cộng dồn từ năm 2008 đến năm 2018. Trong các năm từ 2010-2017, công ty ông K đã trả cho bà M số tiền 137.000.000 đồng (Trong đó 100.000.000 đồng tiền gốc + 37.000.000 đồng tiền lãi).

Xét thấy lời khai của các bên còn mâu thuẫn nhưng Tòa cấp sơ thẩm không đối chất, thu thập và đánh giá các chứng cứ để xác định hợp đồng vay ngày 01/01/2018 có phải là số tiền gốc và lãi cộng dồn của số tiền 100.000.000 đồng vay năm 2008 hay là số tiền vay mới của bị đơn? số tiền này do cá nhân ông K vay hay công ty TNHH Đ vay, mà chỉ căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và hợp đồng vay tài sản ngày 01/01/2018 để buộc bị đơn phải trả cho nguyên

đơn số tiền 1.453.663.000 đồng (Một tỉ, bốn trăm năm mươi ba triệu, sáu trăm năm mươi ba ngàn đồng). Trong đó, tiền gốc: 1.310.000.000 đồng + tiền lãi: 143.663.000 đồng khi chưa thu thập đầy đủ chứng cứ là không có cơ sở.

[2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cho rằng năm 2008 ông K không phải là người vay khoản tiền 100.000.000 đồng mà khoản tiền đó là do Công ty Đ vay và tại hợp đồng vay ngày 01/01/2018 thể hiện bên vay là ông Phạm Đức K, chức vụ giám đốc của Công ty M, không phải bản thân ông K vay. Việc giải quyết vụ án có liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty Đ và Công ty B nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Công ty B và công ty Đ vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty Đ và Công ty B.

Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm thu thập, đánh giá chứng cứ không khách quan, chưa toàn diện ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự, vi phạm thủ tục tố tụng theo điểm c khoản 2 Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự; Cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Xét kháng cáo của ông Phạm Đức K là có căn cứ cần chấp nhận, do đó, cần hủy bản án sơ thẩm và giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột thụ lý giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do được chấp nhận kháng cáo nên ông Phạm Đức K không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 3 Điều 308; Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Chấp nhận đơn kháng cáo của ông Phạm Đức K.

- Hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 93/2018/DS-ST ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột thụ lý giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

Về án phí dân sự sơ thẩm sẽ được quyết định khi vụ án được tiếp tục giải quyết.

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phạm Đức K không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Được nhận lại số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0011523 ngày 13 tháng 12 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. B;
- Đường sự;
- Cổng thông tin điện tử TA;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Chung